

Số: 31/2024/QĐST-LĐ

*Dĩ An, ngày 16 tháng 4 năm 2024*

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG  
V/v Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Bà Đào Thị Thu Vân.

***Thư ký phiên họp:*** Ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp:*** Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 56/2024/TLST-VLĐ, ngày 01/4/2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 10/2024/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Chu Thị T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số D, đường A, khu nhà ở B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: + Công ty TNHH P. Địa chỉ: B, đường số H, Khu công nghiệp S, phường D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

+ Chị Chu Thị T1, sinh năm 1996. Địa chỉ thường trú: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố D. Địa chỉ: Đường T, Khu T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

***Người đại diện theo uỷ quyền của BHXH thành phố D:*** Ông Dương Văn T2, sinh năm 1988; địa chỉ: A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Theo Văn bản uỷ quyền ngày 09/4/2024, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

***Tại đơn yêu cầu chị Chu Thị T thống nhất trình bày:*** Từ tháng 5/2012 cho đến nay, chị T làm việc tại Công ty TNHH T3 (tên mới là Công ty TNHH C), có đóng bảo hiểm xã hội số: 7912128307. Nay chị T liên hệ Bảo hiểm xã hội nộp hồ sơ xin rút sổ Bảo hiểm xã hội thì Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện thông tin của chị T bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: Do lúc trước chưa hiểu rõ thông tin về vấn đề đóng Bảo hiểm xã hội nên chị T có cho em gái của chị T là chị Chu Thị T1 mượn thông tin cá nhân của chị T để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH P. Trước khi chị T1 sử dụng thông tin của chị T để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH P thì từ tháng 5/2012, chị T đang giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C. Do đó, chị T bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 5/2013 đến tháng 12/2013 tại 02

công ty, đó là Công ty TNHH C và Công ty TNHH P. Nay chị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Chu Thị T (do chị Chu Thị T1 ký thay) và Công ty TNHH P từ tháng 5/2013 đến tháng 12/2013 là vô hiệu.

- Công ty TNHH P vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến.

- Ông Dương Văn T2 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH P cho người lao động thì Công ty TNHH P có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho chị Chu Thị T, sinh ngày 09/6/1994, số CMND 187160031 (CCCD 040194013747), với mã số BHXH 7413154224 từ tháng 5/2013 đến tháng 12/2013 chưa nhận trợ cấp BHXH và BHTN. Ngoài ra, chị T còn có mã số 7411307229 tham gia BHXH từ tháng 12/2011 đến tháng 12/2011 tại Công ty Cổ phần S – S chưa nhận trợ cấp BHXH và BHTN; mã số 7912128307 tham gia BHXH từ tháng 3/2021 đến tháng 3/2024 tại Công ty TNHH S1. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của chị Chu Thị T, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của chị Chu Thị T phía Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Chu Thị T1 trình bày: Do lúc trước chưa hiểu rõ thông tin về vấn đề đóng Bảo hiểm xã hội nên tháng 5/2013 đến tháng 12/2013 chị T1 có mượn thông tin cá nhân của chị gái chị T1 là chị Chu Thị T để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH P. Chị T1 làm việc tại Công ty TNHH P từ tháng 5/2013 đến tháng 12/2013. Tuy nhiên, trước khi chị T1 giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P thì chị gái chị T1 là chị Chu Thị T cũng đang sử dụng thông tin này để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C. Chị Chu Thị T làm việc tại Công ty TNHH C từ tháng 5/2012 cho đến nay.

Do đó, khi chị Chu Thị T liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương xin điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội thì nhận được thông báo là thông tin bảo hiểm bị trùng nên chị T1 đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Chu Thị T.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T, chị T1, Bảo hiểm xã Hội thành phố D có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty TNHH P đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Quá trình tố tụng các đương sự khai thông nhất trình bày như sau: Người lao

động tên Chu Thị T, sinh năm 1994, số chứng minh nhân dân CMND 187160031 (CCCD 040194013747), quá trình tham gia bảo hiểm có 03 mã BHXH: Đối với mã bảo hiểm xã hội số 7413154224 từ tháng 5/2013 đến tháng 12/2013 tại Công ty TNHH P; Đối với mã bảo hiểm xã hội số 7411307229 từ tháng 12/2011 đến tháng 12/2011 tại Công ty Cổ phần S; Đối với mã bảo hiểm xã hội số 7912128307 từ 05/2012 đến 01/2020 tại Công ty TNHH T3 (tên mới là Công ty TNHH C). Chị T xác định thời gian từ tháng 5/2013 đến tháng 12/2013 bản thân chị T không ký hợp đồng lao động và không làm việc cho Công ty TNHH P, nhưng em gái của chị T tên là Chu Thị T1 vào năm 2013 có mượn chứng minh nhân dân của chị T để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P từ tháng 5/2013 đến tháng 12/2013. Trong thời gian này, chị T ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH C. Phía chị T1 trình bày do không hiểu biết về pháp luật nên vào tháng 5/2013 đến tháng 12/2013 có sử dụng giấy tờ tùy thân của chị T (em gái của chị T) để xin việc tại Công ty TNHH P và đồng thời tham gia bảo hiểm tại Công ty TNHH P. Do thời gian đã lâu, chị T1 không còn thông tin về việc ký kết hợp đồng lao động hay hồ sơ lao động với người lao động tên Chu Thị T. Quá trình giải quyết, Công ty TNHH P vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến.

[3] Xét lời trình bày của các đương sự thấy rằng: Trong khoản thời gian từ tháng 5/2013 đến tháng 12/2013, chị T tham gia ký kết hợp đồng lao động cùng một lúc 02 công ty, đó là Công ty TNHH P và Công ty TNHH C, nhưng thật tế chị T chỉ làm việc tại Công ty TNHH C, còn người làm việc tại Công ty TNHH P là chị T1 (em ruột của chị T) vì chị T1 mượn giấy chứng minh nhân dân của chị T1 để tham gia lao động. Bản thân chị T và chị T1 không hề biết sự việc này là vi phạm pháp luật. Lời trình bày của chị T, chị T1 là phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 5/2013 đến tháng 12/2013, chị Chu Thị T có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH P và Công ty TNHH T3 (tên mới là Công ty TNHH C). Xét thấy việc chị T1 lấy tên chị T và giấy tờ tùy thân của chị T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó việc chị Chu Thị T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động từ tháng 5/2013 đến tháng 12/2013 giữa chị Chu Thị T (do chị Chu Thị T1 mượn tên) với Công ty TNHH P là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Về lệ phí: Chị Chu Thị T phải chịu theo quy định.

[5] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

*Từ các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều: 15, 16, 49 của Bộ luật lao động;

Căn cứ vào các Điều: 149, 367, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các cứ vào Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Chu Thị T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Chu Thị T, sinh năm: 1994, địa chỉ: Số D, đường A, khu nhà ở B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH P từ tháng 5/2013 đến tháng 12/2013 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Chị Chu Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0004537 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án Dĩ An;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

**(Đã ký)**

**Đào Thị Thu Vân**